

Qua số liệu cho thấy tỷ lệ án hủy, sửa còn cao (50/105 vụ tỷ lệ 47,61%). Nguyên nhân là do cấp sơ thẩm trong quá trình giải quyết chưa thu thập đầy đủ chứng cứ; không đưa hoặc đưa thiếu người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng; việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở của cơ quan nhà nước không đúng quy định, áp dụng pháp luật, xác định tranh chấp không đúng... Công tác kiểm sát cấp sơ thẩm chưa chú trọng về việc đánh giá chứng cứ để xác định vi phạm về tố tụng kịp thời thực hiện kháng nghị hoặc phối hợp với Viện kiểm sát cấp trên thực hiện kháng nghị. Chất lượng kháng nghị còn hạn chế chưa gắn với quy định pháp luật để xác định vi phạm. Đơn vị có số án bị hủy nhiều là Viện kiểm sát thành phố Hồ Chí Minh 13 vụ, Viện kiểm sát tỉnh Bình Dương 05 vụ, Viện kiểm sát tỉnh Tiền Giang 04 vụ; Viện kiểm sát tỉnh Long An 04 vụ; Viện kiểm sát tỉnh An Giang 03 vụ.

\* Công tác thụ lý và giải quyết án có kháng nghị:

Tổng số thụ lý án có kháng nghị 40 vụ (VKS cấp tỉnh 34 vụ; Viện cấp cao 06 vụ). Đơn vị có án kháng nghị nhiều là Viện kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh và Viện kiểm sát tỉnh Bình Dương 07 vụ, Viện kiểm sát tỉnh Tiền Giang, Viện kiểm sát tỉnh Long An 04 vụ, Viện kiểm sát tỉnh An Giang 03 vụ.

Đã giải quyết 08 vụ (VKS cấp tỉnh 06 vụ, Viện cấp cao 02 vụ). Kết quả xét xử: Tòa chấp nhận kháng nghị 08 vụ, đạt 100%, trong đó: Kháng nghị của VKS được chấp nhận toàn bộ 04 vụ (VKS cấp tỉnh 02 vụ, Viện cấp cao 02 vụ). Kháng nghị được chấp nhận 01 phần 04 vụ (VKS cấp tỉnh).

## **2. Những vụ án bị sửa, hủy cần rút kinh nghiệm:**

### **2.1. Đối với các vụ bị Tòa án cấp cao sửa án:**

Tổng số 09 vụ, sửa toàn bộ bản án 05 vụ, sửa 01 phần 04 vụ (sửa theo thỏa thuận của đương sự 01 vụ), gồm các đơn vị: Viện kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh 04 vụ, Viện kiểm sát tỉnh Hậu Giang 01, Viện kiểm sát tỉnh Tiền Giang 01 vụ; Viện kiểm sát tỉnh Bến Tre 01 vụ, Viện kiểm sát tỉnh Đồng Nai 01 vụ. Nguyên nhân sửa án do cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá chứng cứ chưa toàn diện, áp dụng pháp luật không phù hợp. Tranh chấp di sản thừa kế quyền sử dụng đất nhưng cấp sơ thẩm giao diện tích đất cả đường giao thông và có sự chồng lấn nên phải sửa án sơ thẩm.

Diễn hình là vụ án: “Tranh chấp di sản thừa kế” giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Linh với bị đơn là ông Nguyễn Văn Thông (chết) người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Thông đồng thời là những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm bà Thặng, Thuận, Tuấn, Trinh, Tú, Tùng cùng ủy quyền cho bà Chu Thị Tuyết tham gia tố tụng.

Bản án sơ thẩm tuyên xử: “Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Linh với bị đơn ông Nguyễn Văn Thông. Giao bà Linh được quyền sở hữu một phần căn nhà trên diện tích 41,22m<sup>2</sup>, sở hữu một phần nhà bếp do ông Thông, bà Tuyết xây dựng diện tích 18,20 m<sup>2</sup> và được quyền sử dụng một phần thửa đất số 39 bản đồ số 34 có diện tích 96,9 m<sup>2</sup> gắn liền với diện tích nhà nêu trên.

Tuy nhiên, thửa đất tranh chấp (số 39, tờ bản đồ 34) theo “bản đồ địa chính” được giới hạn bởi các điểm (3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 15, 14, 3) có diện tích là

182,7m<sup>2</sup>. Theo “hiện trạng thực tế” được giới hạn bởi các điểm (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 1) có diện tích 189,9m<sup>2</sup>. Phần chênh lệch diện tích (0,5+3.5) = 04m<sup>2</sup> theo bản đồ địa chính là đường giao thông và diện tích 3,2m<sup>2</sup> theo bản đồ địa chính là thuộc thửa số 44 (của Phạm Thị Ngọc Lan). Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm nhận định 189,9m<sup>2</sup> trên là di sản thừa kế của cha, mẹ các đương sự và quyết định giao cho bà Linh được quyền sử dụng một phần thửa đất số 39, bản đồ số 34 có diện tích 96,9m<sup>2</sup> gắn liền với diện tích nhà có cả 04 m<sup>2</sup> đường giao thông và giao cho bà Tuyết cùng những người thừa kế của ông Thông được sử dụng 3,2m<sup>2</sup> thuộc thửa 44 là không đúng, chồng lấn lên nhau.

Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm đã sửa một phần bản án sơ thẩm đối với diện tích đất đường giao thông và phần diện tích chồng lấn.

## **2.2. Đối với các vụ bị Tòa án cấp cao hủy án:**

Tổng số 40 vụ án bị hủy gồm các đơn vị: Viện kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh 14 vụ (có 03 quyết định đình chỉ và 01 vụ hủy đình chỉ do nguyên đơn rút đơn), Viện kiểm sát tỉnh Bình Dương 05 vụ, Viện kiểm sát tỉnh Tiền Giang 04 vụ, Viện kiểm sát tỉnh Long An 04 vụ, Viện kiểm sát tỉnh An Giang 03 vụ, Viện kiểm sát tỉnh Sóc Trăng 02 vụ, Viện kiểm sát tỉnh Cà Mau, Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp, Viện kiểm sát tỉnh Vĩnh Long, Viện kiểm sát tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mỗi đơn vị 01 vụ, Viện kiểm sát tỉnh Ninh Thuận, Viện kiểm sát tỉnh Tây Ninh mỗi đơn vị 01 vụ hủy quyết định. Các vụ bị hủy án, nội dung chủ yếu do việc thu thập chứng cứ không đầy đủ, không khách quan, đưa thiếu người tham gia tố tụng làm ảnh hưởng lợi ích của đương sự là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Diễn hình vụ án:

\* Vụ án: “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Mới, với bị đơn là ông Nguyễn Văn Bái. Bản án dân sự sơ thẩm quyết định: “*Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế là quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Mới, Nguyễn Thị Bạc và Nguyễn Thị Then đối với ông Nguyễn Văn Bái. Ông Nguyễn Văn Bái được tiếp tục quản lý, sử dụng: 398m<sup>2</sup> đất tại thửa số 464; 4.252m<sup>2</sup> đất thửa số 686; 58m<sup>2</sup> đất nghĩa địa một phần thửa 689; 2.066m<sup>2</sup> đất một phần thửa 689; 2.143m<sup>2</sup> đất thửa 690; 5.588m<sup>2</sup> đất thửa 692; 198m<sup>2</sup> đất thửa 694; 3.236m<sup>2</sup> đất thửa 453 diện tích sử dụng; 1.725m<sup>2</sup> đất thửa 454 cùng tờ bản đồ số 11. Ông Nguyễn Văn Bái có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Mới 13.093.000 đồng. Buộc ông Bái, bà Lốp, ông Thống có trách nhiệm giao cho bà Mới quản lý, sử dụng: 6.173m<sup>2</sup> đất thửa 693; 4.195m<sup>2</sup> đất thửa 437; 4.878m<sup>2</sup> đất thửa 438; 3.053m<sup>2</sup> đất thửa 452 cùng tờ bản đồ số 11. Bà Mới có nghĩa vụ thanh toán cho bà Then 101.088.000 đồng. Buộc ông Bái có trách nhiệm giao cho bà Nguyễn Thị Bạc quản lý, sử dụng 6.198m<sup>2</sup> thửa 723 tờ bản đồ số 11. Bà Bạc có nghĩa vụ thanh toán cho bà Mới 3.146.000 đồng*”.

Sau khi xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Văn Bái đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn Bái kháng cáo không đồng ý chia di sản thừa kế các thửa đất số 437, 438, 694, 723, 452, 453, 454 vì các thửa này là của ông Bái nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Lanh; các thửa đất 689, 690, 692, 693, 464 mới là di sản thừa kế, ông Bái yêu cầu để ông Bái được sử dụng toàn bộ các thửa đất này và thanh toán lại giá trị kỹ phần cho các thừa kế. Sau khi xét xử sơ thẩm

các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mới, bà Nguyễn Thị Thên, bà Nguyễn Thị Bạc làm đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm về trích một phần thửa kế chia cho ông Bái vì có công gìn giữ đất; bà Mới yêu cầu được nhận phần đất thuộc các thửa 454, 437, 438 và thửa 692; bà Bạc yêu cầu được nhận phần đất tại thửa 723; bà Thên yêu cầu được nhận phần đất tại các thửa 693, 694 bằng hiện vật.

Qua vụ án trên cho thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về nội dung, cụ thể:

Chia thửa kế cho các đương sự ghi diện tích đất không chính xác các thửa đất: chia cho ông Nguyễn Văn Bái diện tích  $58m^2$  đất nghĩa địa, thuộc một phần thửa 689 là không đúng theo thỏa thuận của đương sự là không chia thửa kế diện tích đất này; Chia cho ông Nguyễn Văn Bái diện tích  $1.725m^2$ , thửa 454. Trong khi diện tích thực tế là:  $2.722m^2$ ; Chia thửa 454 cho ông Bái diện tích:  $1.725m^2$ , diện tích còn lại  $997m^2$  Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết cho ai; Chia bà Nguyễn Thị Mới diện tích  $6.173m^2$ , thửa 693 nhưng không có đường đi vào thửa đất nên bà Mới không sử dụng được; Đồng thời, khi giải quyết chia các diện tích đất này bản án không ghi rõ vị trí tứ cận từng thửa đất nên không thể thi hành án được. Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo và hủy toàn bộ bản án sơ thẩm giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

\* Vụ án “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn ông Đỗ Hữu Định với bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh và ông Huỳnh Văn Đông.

Hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 14/5/2010, thể hiện ý chí giao kết việc chuyển nhượng diện tích  $540m^2$  với số tiền 828.000.000 đồng (Tám trăm hai mươi tám triệu đồng), bị đơn bà Thanh, ông Đông đã thừa nhận việc tự mình ký vào hợp đồng có sự đồng ý của ông Bạch để chuyển nhượng diện tích đất do các bị đơn đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hợp đồng này không được công chứng, chứng thực và đăng ký tại cơ quan quản lý đất đai, chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý; suốt quá trình giải quyết các bên đều thống nhất yêu cầu hủy hợp đồng đã giao kết. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất này bị vô hiệu là phù hợp với quy định tại Điều 134 của Bộ luật dân sự năm 2005 và giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu theo quy định tại Điều 137 Bộ luật dân sự năm 2005 buộc bà Thanh, ông Đông có nghĩa vụ hoàn trả số tiền đã nhận cho ông Định 828.000.000đ là có căn cứ.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm Khoản 2 Điều 131 Bộ luật dân sự quy định: “*Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận*”. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Thanh, ông Đông hoàn trả cho ông Định số tiền 828.000.000 đồng nhưng chưa đề cập đến quyền, nghĩa vụ của các bên đối với diện tích đất  $540m^2$  đã nêu trong hợp đồng. Bởi vì, tại hợp đồng ngày 14/5/2010, đối tượng hướng đến của hợp đồng là diện tích đất  $540m^2$ , nhưng không thể hiện được vị trí, số thửa cụ thể trong tổng diện tích chung. Bên cạnh đó, tại biên bản thẩm định ngày 24/3/2015, các bên thống nhất diện tích đất mà hợp đồng đề cập hiện tại bà Thanh đã cất nhà kiên cố, bà Thanh là người đang chiếm hữu, sử dụng và đứng tên trên diện tích

chung, đồng thời có chứng cứ thể hiện vào ngày 27/3/2011 và ngày 10/6/2012, bà Thanh và ông Đông có nhận chuyển nhượng lại của ông Bạch một phần đất có diện tích 528m<sup>2</sup> trong tổng số 2.158m<sup>2</sup> mà bà Thanh và ông Đông đứng tên. Nội dung này chưa được Tòa án cấp sơ thẩm điều tra làm rõ. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét toàn diện đến quyền lợi của các bên tham gia giao dịch, chỉ quyết định về nghĩa vụ hoàn trả tiền đã nhận nhưng chưa quyết định về quyền lợi ai là người có quyền hưởng dụng hoặc quyền sử dụng. Bên cạnh đó, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ diện tích đất 540m<sup>2</sup> theo hợp đồng có vị trí cụ thể như thế nào trong tổng diện tích chung theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà Thanh, ông Đông hiện đang đứng tên để đảm bảo cho việc thi hành bản án.

Mặt khác, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong hồ sơ là bản photocopy không có công chứng, chứng thực, chưa được đối chiếu với bản chính, các đương sự và ông Bạch cũng thừa nhận đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu các đương sự cung cấp và chuyển giao giấy chứng nhận bản chính nên chưa đảm bảo cơ sở để phán quyết hợp đồng chuyển quyền sử dụng 540m<sup>2</sup> đất này là thuộc thửa đất do bà Thanh, ông Đông đứng tên chứng nhận quyền sử dụng đất.

### 2.3. Các vụ có kháng nghị liên quan bị sửa, hủy án:

Trong số 08 vụ án có kháng nghị đã giải quyết liên quan đến sửa, hủy án do Viện kiểm sát kháng nghị được Tòa án chấp nhận 100% ; Trong đó:

- Án Viện kiểm sát tỉnh kháng nghị: Viện kiểm sát tỉnh An Giang, Viện kiểm sát tỉnh Bến Tre, Viện kiểm sát tỉnh Bình Dương, Viện kiểm sát tỉnh Đồng Nai, Viện kiểm sát tỉnh Cà Mau và Viện kiểm sát Thành Phố Hồ Chí Minh mỗi đơn vị 01 vụ;

- Án Viện kiểm sát cấp cao kháng nghị trên một cấp 02 vụ (tỉnh Kiên Giang và Sóc Trăng).

\* Điển hình vụ án do Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh kháng nghị phúc thẩm có căn cứ được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng nghị và hủy án sơ thẩm để giải quyết lại:

Vụ án: “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn là ông Hoàng Trọng Yêm với bị đơn là ông Nguyễn Hùng Nhựt. Bản án sơ thẩm quyết định: *“Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Trọng Yêm và bà Đào Thị Đức đối với ông Nguyễn Hùng Nhựt (đã chết) những người kế thừa quyền và nghĩa vụ là anh Nguyễn Tân Cương, Nguyễn Hồng Thắm, Nguyễn Tân Xuyên, Nguyễn An Khang, Nguyễn Cao Toàn và bà Đặng Thị Bê để đòi phần đất chiều ngang mặt tiền 5m, chiều ngang mặt hậu 4,5m, dài 274,5m. Từ vị trí cột mốc của Công ty cấp thoát nước Công trình đô thị Cà Mau dài 274,5m, chiều ngang mặt tiền 5m, ngang mặt hậu 4,5m.*

*Khi bản án có hiệu lực ông Yêm và bà Đức có quyền liên hệ với cơ quan chuyên môn về quản lý đất đai thành phố Cà Mau để thực hiện thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất”.*

Ông Hoàng Trọng Yêm và bà Đào Thị Đức khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hùng Nhựt trả lại phần đất là con mương chiều ngang 3m, dài 244m, diện tích 732m<sup>2</sup>. Sau đó, ông Yêm, bà Đức có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu ông Nhựt trả lại

phần đất chiều ngang mặt tiền 5m, chiều ngang mặt hậu 4,5m, dài 274,5m, trong đó có phần phía sau hậu ngang 4,5m dài 56,10m diện tích 252,45m<sup>2</sup> mà UBND tỉnh thu hồi đất của ông Nhựt và đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty cấp thoát nước-Công trình đô thị, nên yêu cầu hủy 01 phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Công ty cấp thoát nước-Công trình đô thị đối với phần đất tranh chấp 252,45m<sup>2</sup> trên.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định đất tranh chấp là thuộc quyền sử dụng của ông Yêm, bà Đức nên trả lại cho ông Yêm, bà Đức quản lý hoặc đền bù là nhận định chung chung, không phù hợp. Trường hợp Tòa án xác định đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông Yêm, bà Đức, giao đất cho ông Yêm, bà Đức được quyền sử dụng thì phải hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND tỉnh đã cấp giấy cho Công ty cấp thoát nước-Công trình đô thị. Trường hợp xác định đất thuộc quyền sử dụng của ông Yêm, bà Đức nhưng giao cho Công ty cấp thoát nước-Công trình đô thị quản lý theo Quyết định thu hồi đất thì mới không hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà buộc thực hiện việc trả tiền bồi hoàn đất mới phù hợp. Theo Biên bản đo đạc xem xét thẩm định tại hiện trạng phần đất tranh chấp ngày 16/8/2013 và Bản vẽ khảo sát hiện trạng đất ngày 03/6/2016 chỉ thể hiện chiều ngang mặt tiền 5m, chiều ngang mặt hậu 4,5m dài 274,5m, không thể hiện đất tranh chấp nằm trên thửa đất nào của sổ mục kê? Tờ bản đồ số máy của sổ mục kê? Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai đứng tên chưa? Hay đất chưa được cấp giấy ?. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đối chất các lời khai nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND tỉnh và UBND phường do có sự không thống nhất, mâu thuẫn. Mặt khác, Tòa án không tiến hành đo đạc các thửa đất của bà Bé, ông Yêm, bà Đức giáp ranh có liên quan đến diện tích đất tranh chấp để xác định đất thừa, thiếu, để không chấp nhận lời khai của UBND phường là đất tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ai, thuộc đất công cộng có nhiều mồ mả hiện do UBND phường quản lý; xem việc UBND tỉnh thu hồi đất của bà Bé và trả tiền thu hồi đất cho gia đình bà Bé nhận là không đúng, từ đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Trọng Yêm và bà Đào Thị Đức là hoàn toàn không có căn cứ.

\* Án do Viện kiểm sát cấp cao kháng nghị trên một cấp được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng nghị và hủy án sơ thẩm để giải quyết lại, điển hình là vụ án sau:

Vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn ông Nguyễn Khỏe với bị đơn bà Trần Thị Huyền Trân.

- Vi phạm Điều 61 Bộ luật tố tụng dân sự vì theo đơn khởi kiện ngày 06/7/2013 (BL số 152) ông Nguyễn Khỏe yêu cầu hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Trần Bửu ngày 05/10/1998 và giấy cấp cho ông Lê Văn Tường ngày 16/3/2004 do nguyên đơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/3/2000, nhưng án sơ thẩm không đưa ông Trần Bửu và ông Lê Văn Tường vào tham gia tố tụng.

- Việc cấp đất là trách nhiệm của Ủy ban nhân dân, nhưng khi cấp cho ông Trần Bửu và ông Lê Văn Tường đều không đúng quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân có văn bản trả lời tại công văn số 160/UBND-TD ngày 12/02/2015 thừa

nhận cấp dư cho ông Trần Bửu, nhưng lại khẳng định không chồng lấn lên đất của hộ khác và đất cấp cho ông Lê Văn Tường chồng lấn lên đất của ông Nguyễn Khỏe 166,9m<sup>2</sup>, nhưng cấp sơ thẩm không thu thập đầy đủ chứng cứ là vi phạm Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Vi phạm quy định tại điều 218 BLTTDS xét xử vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Vì đơn khởi kiện ngày 12/8/2012 nguyên đơn chỉ yêu cầu bà Trần Huyền Trân và ông Trần Tấn Đạt trả lại 60m<sup>2</sup>, ông Nguyễn Văn Nhận và bà Hoàng Thanh Trúc trả lại 170m<sup>2</sup>. Nguyên đơn không có đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh phải bồi thường 166,9m<sup>2</sup> do cấp chồng lấn. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm bồi hoàn cho ông Nguyễn Khỏe diện tích đất cấp chồng lấn bị mất 166,9m<sup>2</sup> với số tiền là 584.150.000 đồng (Năm trăm tám mươi bốn triệu một trăm năm chục ngàn đồng).

Bản án sơ thẩm buộc bà Trần Huyền Trân, ông Trần Tấn Đạt có trách nhiệm hoàn trả cho ông Khỏe giá trị quyền sử dụng đất và buộc Ủy ban nhân dân tỉnh phải bồi thường giá trị đất cho cá nhân là vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự được quy định tại Điều 5 BLTTDS: *“Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc dân sự... Trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, các đương sự có quyền chấm dứt, thay đổi các yêu cầu của mình hoặc thỏa thuận với nhau một cách tự nguyện không trái pháp luật và đạo đức xã hội”*.

- Vi phạm nguyên tắc tự định đoạt của các đương sự được quy định tại Điều 4 và Điều 7 của Bộ luật dân sự. Cụ thể tuyên buộc bà Trần Huyền Trân, ông Trần Tấn Đạt có trách nhiệm hoàn trả cho ông Khỏe giá trị quyền sử dụng đất 62m<sup>2</sup> với số tiền 217.000.000 đồng (Hai trăm mười bảy triệu đồng) trái với yêu cầu đồng ý trả đất cho bà Trần Huyền Trân và ông Trần Tấn Đạt.

- Vi phạm quy định tại Điều 46, Điều 47 và Điều 48 Luật đất đai năm 2003 về thẩm quyền cấp đất. Vì vậy, tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của UBND tỉnh đồng ý bồi thường giá trị đất cho ông Nguyễn Khỏe do UBND cấp đất bị chồng lấn là trái với quy định của pháp luật. Vì Luật đất đai quy định Ủy ban nhân dân có thẩm quyền cấp và thu hồi đất.

- Vi phạm điểm c khoản 1 Điều 195 Luật đất đai năm 2013 về việc tuyên buộc UBND tỉnh có trách nhiệm bồi hoàn cho ông Nguyễn Khỏe diện tích đất cấp chồng lấn bị mất 166,9m<sup>2</sup>, buộc bà Trần Huyền Trân, ông Trần Tấn Đạt có trách nhiệm hoàn trả cho ông Khỏe giá trị quyền sử dụng đất 62m<sup>2</sup>, Nguyễn Văn Nhận và bà Hoàng Thanh Trúc có trách nhiệm hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất đã lấn chiếm 21,1 m<sup>2</sup>, nhưng không thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Khỏe.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên buộc ông Nguyễn Khỏe phải chịu án phí phần rút yêu cầu khởi kiện, được Tòa án chấp nhận đình chỉ là vi phạm khoản 1 Điều 131 Bộ luật tố tụng dân sự.

### **3. Những vấn đề cần rút kinh nghiệm:**

Nguyên nhân bị sửa án là do cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá chứng cứ chưa toàn diện, dẫn đến việc áp dụng pháp luật thiếu chính xác. Ngoài ra, sau khi xét

xử sơ thẩm các đương sự có kháng cáo, khi giải quyết tại cấp phúc thẩm thì các đương sự tự thỏa thuận được với nhau hoặc phát sinh tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án mà cấp phúc thẩm khắc phục được và phù hợp với quy định của pháp luật cần phải sửa án.

Các vụ án bị hủy tập trung vào các loại kiện tranh chấp về đất đai, nhà ở, chia tài sản chung, chia thừa kế, là do vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, việc thu thập chứng cứ không đầy đủ, không khách quan, bỏ lọt người tham gia tố tụng.

Trong giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất khi quyết định chia diện tích đất thì bản án phải ghi rõ vị trí, tứ cận từng thửa đất. Vì trên thực tế xảy ra một số bản án khi chia quyền sử dụng đất không ghi rõ vị trí, tứ cận nên không thể thi hành án được.

Theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Kiểm sát viên không chỉ phát biểu về tuân thủ pháp luật tố tụng mà còn phát biểu về việc giải quyết vụ án, nên phải nâng cao trách nhiệm kiểm sát hoạt động tư pháp ngày càng chặt chẽ.

Để hạn chế những sai sót trong quá trình giải quyết án dân sự, nhất là những vụ án có liên quan đến các loại án kiện nêu trên, cần thực hiện tốt công tác kiểm sát việc thụ lý, xem Tòa án cấp sơ thẩm có đưa đầy đủ người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự hay không; Kiểm sát quá trình thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm, có hợp pháp và việc đánh giá chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm phải thật sự khách quan và theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Kiểm sát viên khi trực tiếp kiểm sát xét xử cần xác định việc đánh giá chứng cứ của cấp sơ thẩm, xem xét các yêu cầu của các đương sự đã được giải quyết một cách triệt để trong cùng một vụ án, đúng quy định của pháp luật.

Sau phiên tòa thực hiện việc kiểm sát bản án, quyết định của Tòa án kịp thời phát hiện vi phạm, thiếu sót trong bản án, quyết định để kiến nghị yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm khắc phục vi phạm. Đồng thời, thông qua các vi phạm đó để thực hiện quyền kháng nghị phúc thẩm, hoặc báo cáo đề nghị Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp kháng nghị theo thẩm quyền, nhằm hạn chế tối đa cấp phúc thẩm phải tuyên hủy án để giải quyết lại làm mất nhiều thời gian, công sức ảnh hưởng đến quyền lợi, lợi ích hợp pháp của đương sự.

Mặt khác, do Kiểm sát viên tham gia phiên tòa chưa kiểm sát chặt chẽ về thủ tục tố tụng và nội dung, việc thu thập chứng cứ và đánh giá chứng cứ của Tòa án, sau phiên tòa chưa thực hiện công tác kiểm sát bản án, nên không phát hiện được vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm để kiến nghị hoặc kháng nghị kịp thời.

Để khắc phục vi phạm trên, nhằm hạn chế bị sửa và hủy án, Viện kiểm sát các địa phương cần:

- Quan tâm chỉ đạo và phân công Kiểm sát viên tập hợp vi phạm của Tòa án trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về việc gửi bản án, quyết định, chuyên hồ sơ vụ, việc dân sự để kiến nghị Tòa án.

- Khi kiểm sát bản án, quyết định sơ thẩm, cần thận trọng nghiên cứu từng vấn đề, tập trung vào những vi phạm của Tòa án như: Xác định tư cách người tham gia tố tụng, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết; kiểm tra yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan làm cơ sở đối chiếu với quyết định giải quyết của Tòa án sơ thẩm có vi phạm về tố tụng hay không; việc xác định quan hệ pháp luật, việc áp dụng luật nội dung và viện dẫn điều luật.

Trên đây là kết quả giải quyết án dân sự, hôn nhân và gia đình trong 6 tháng đầu năm 2017 bị sửa và hủy án. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh thông báo để Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh, thành phố tổ chức rút kinh nghiệm chung. /.

**Nơi nhận:**

- Đ/c Nguyễn Thị Thủy Khiêm PVT - VKSTC (để báo cáo);
- Đ/c Lê Hữu Thế - PVT - VKSNDTC (để báo cáo);
- Vụ 9 - VKSND tối cao (để báo cáo);
- VPTH - VKS tối cao (để báo cáo);
- Đ/c Nguyễn Đình Trung- VT - VC3 (để báo cáo);
- Viện KSND cấp cao 1, 2 (để biết);
- 23 tỉnh, thành phố phía Nam (để biết);
- Các đ/c PVT- VC3 (để biết);
- Viện 1, 2, 3, 4 VP - VC3 (để biết);
- Lưu VT, V2.

**KT.VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



**Võ Văn Thêm**



Số: 20/TB-VC3-V2

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2017



## THÔNG BÁO

**Rút kinh nghiệm giải quyết các vụ, việc dân sự, hôn nhân và gia đình cấp phúc thẩm sửa và hủy án 6 tháng đầu năm 2017**

Thực hiện Chỉ thị số 10/CT-VKSTC ngày 06/4/2016 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về tăng cường công tác kháng nghị phúc thẩm các vụ, việc dân sự, hôn nhân và gia đình, vụ án hành chính.

Thông qua công tác kiểm sát xét xử phúc thẩm các vụ, việc dân sự, hôn nhân và gia đình trong 6 tháng đầu năm 2017, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh sửa và hủy án do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Để kịp thời khắc phục những tồn tại trong quá trình giải quyết các vụ, việc dân sự, hôn nhân và gia đình. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (Viện cấp cao 3) tổng hợp tình hình và kết quả giải quyết vụ, việc dân sự- hôn nhân và gia đình, thông báo cho Viện kiểm sát tỉnh, thành phố nghiên cứu rút kinh nghiệm, nhằm nâng cao chất lượng lập hồ sơ kiểm sát và kiểm sát xét xử các vụ, việc dân sự, hôn nhân và gia đình trong thời gian tới.

### 1. Kết quả thụ lý và giải quyết án:

Tình hình tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình theo trình tự phúc thẩm trong 6 tháng đầu năm 2017 có chiều hướng gia tăng về số lượng và tính chất ngày càng phức tạp, đa dạng, liên quan đến nhiều quy định pháp luật về quản lý đất đai, nhà ở, công chứng, yếu tố nước ngoài... Án phúc thẩm thụ lý chủ yếu tập trung ở một số loại án kiện như: Tranh chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất 130 vụ; Tranh chấp quyền sở hữu tài sản 96 vụ; Tranh chấp thừa kế tài sản 73 vụ; Tranh chấp hợp đồng dân sự 69 vụ. Kết quả thụ lý, giải quyết trong 6 tháng đầu năm 2017 như sau:

Thụ lý: 411 vụ (Dân sự: 394 vụ; HNGĐ: 17 vụ), án tồn năm 2016 chuyển sang 236 vụ, thụ lý mới 175 vụ. Đã giải quyết: 121 vụ, đạt 29,44%. Trong đó tạm đình chỉ 04 vụ; Đình chỉ 12 vụ; Xét xử 105 vụ. Y án sơ thẩm 55 vụ, chiếm tỷ lệ 52,38%; Sửa án 10 vụ, chiếm tỷ lệ 9,52% (sửa do đương sự thỏa thuận 03 vụ, chiếm tỷ lệ 2,86%); Hủy án để xét xử lại 40 vụ, chiếm tỷ lệ 38,1% (hủy án và đình chỉ xét xử do đương sự rút đơn khởi kiện 01 vụ, chiếm tỷ lệ 0,95%). Án tồn 290 vụ. Nguyên nhân dẫn đến việc hoãn xử, tạm đình chỉ xét xử là do việc tổng đạt cho đương sự gặp nhiều khó khăn, địa bàn xa; đương sự không nhận được giấy báo; một số vụ án do đương sự và luật sư yêu cầu hoãn phiên tòa; có một số vụ án trong quá trình thẩm vấn đương sự cung cấp thêm chứng cứ hoặc đương sự yêu cầu thẩm định giá tài sản tranh chấp, do đó phải hoãn phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ và tiến hành thẩm định giá làm cơ sở giải quyết vụ án.